

Ea Súp, ngày 30 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Ea Súp
2. Địa chỉ trụ sở chính: số 09, đường Chu Văn An, thị trấn Ea Súp, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường công lập do Nhà nước đầu tư.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:

a) *Sứ mệnh:*

Xây dựng nhà trường đạt chất lượng cao, môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, giúp học sinh làm chủ kiến thức phổ thông; biết vận dụng hiệu quả kiến thức vào đời sống và tự học suốt đời.

Học sinh được định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực; có khát vọng vươn lên và có đóng góp tích cực vào sự phát triển của địa phương, đất nước.

b) *Tầm nhìn*

Trường THPT Ea Súp thuộc top đầu về đổi mới, sáng tạo, chất lượng giáo dục. Xây dựng trường tiếp cận với xu hướng giáo dục hiện đại để đáp ứng xu thế hội nhập quốc tế.

c) *Hệ thống giá trị cơ bản của nhà trường:* Tính trung thực, Lòng tự trọng, Đoàn kết, Sáng tạo, Hợp tác

d) *Phương châm hành động:* Đoàn kết, Sáng tạo, Chất lượng giáo dục là uy tín và danh dự của nhà trường.

e) *Mục tiêu:*

Xây dựng đội ngũ sư phạm vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ; thống nhất trong tư tưởng và hành động; tự tin, nhạy bén, linh hoạt trong giao tiếp, tâm huyết với nghề.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập của HS trên các mặt "Đức - Trí - Thể - Mỹ"; giáo dục học sinh 5 phẩm chất và 10 năng lực cơ bản theo chương trình giáo dục phổ thông mới, trong đó các đức tính: trung thực, tự tin, có khát vọng vươn lên, nhạy bén thích nghi với môi trường; biết tôn trọng, biết lắng nghe và bày tỏ chính kiến của mình.

Xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, có đầy đủ CSVC để phát triển các kỹ năng, năng khiếu cho học sinh; tạo lập môi trường giáo dục thân thiện, bình đẳng.

Định hướng giai đoạn 2021-2023: tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đăng ký trường đạt chuẩn quốc gia. Đến năm 2025 trường đạt trường chuẩn mức độ 1.

Định hướng giai đoạn từ 2025-2030 duy trì công tác kiểm định chất lượng giáo dục và trường chuẩn quốc gia mức 2. Xây dựng nhà trường tiên tiến có mô hình giáo dục ngày càng hiện đại phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế, phát triển nhanh và bền vững.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường THPT Ea Súp được thành lập năm 1986, đến năm 2002, theo quyết định số 2470/2002/QĐ-UB ngày 12 tháng 9 năm 2002 của UBND tỉnh tách thành trường THPT Ea Súp, từ ngày thành lập đến nay nhà trường đã trải qua 38 năm phát triển và trưởng thành.

Ngày đầu mới thành lập vào năm 1986, nhà trường chỉ có 10 cán bộ giáo viên và 100 học sinh của khối 10,11. Từ những ngày đầu nhà trường có 3 lớp đến nay có 28 lớp duy trì sĩ số hàng năm gần 1.200 học sinh và biên chế 69 CBGVNV. Những ngày đầu nhà trường gặp rất nhiều khó khăn cơ sở vật chất còn thiếu thốn, chỉ 1 dãy nhà phòng học cấp 4, mái tôn thung gỗ, các thầy cô giáo rất vất vả và vì kinh tế xã hội đất nước chúng ta quá khó khăn. Đến nay cơ sở vật chất của nhà trường từng bước được đầu tư, cơ bản đáp ứng đủ nhiệm vụ dạy và học.

Dù còn rất nhiều khó khăn nhưng tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trường THPT Ea Súp các thế hệ luôn sát cánh cùng nhau vượt qua và từng bước khẳng định vị thế của nhà trường.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Ông: Lê Quang Trường

Trình độ: Thạc sĩ Ngôn ngữ học, Trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính.

Chức vụ: Hiệu trưởng Trường THPT Ea Súp

Làm việc tại: số 09, đường Chu Văn An, thị trấn Ea Súp, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk

Lắk.

Số điện thoại: (+84) 975 098953

7. Bộ máy tổ chức

a) Các quyết định thành lập, chia, tách:

Năm 1986: Trường được thành lập theo quyết định số 880/QĐ-UB ngày 9 tháng 8 năm 1986 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc mở Trường Phổ Thông trung học.

Năm 2000: Trường nhận nhận 19.100 m² sử dụng để xây dựng trường học theo Quyết định số 1280/QĐ-UB ngày 3 tháng 7 năm 2000 của UBND tỉnh Đắk Lắk (V/v giao 19.100 m² đất cho trường THPT Ea Súp sử dụng để xây dựng trường học).

Năm 2002: Trường tách chuyển bộ phận cấp III và đổi tên thành Trường THPT Ea Súp theo quyết định số 2470/c của UBND Tỉnh Đắk Lắk (V/v tách chuyển bộ phận cấp III và đổi tên trường phổ thông cấp II-III Ea Súp thành Trường THPT Ea Súp).

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Hội đồng trường được công nhận theo quyết định 864/QĐ-SGDĐT ngày 17 tháng 11 năm 2023 của sở giáo dục và đào tạo Đắk Lắk (Về việc thành lập và công nhận các thành viên của Hội đồng trường Trường Trung học phổ thông Ea Súp, nhiệm kỳ 2023 - 2028).

Chủ tịch hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số 882//QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 11 năm 2023 của sở giáo dục và đào tạo Đắk Lắk (Về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Trung học phổ thông Ea Súp, nhiệm kỳ 2023 - 2028)

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Hiệu trưởng trường THPT Ea Súp được điều động, bổ nhiệm theo Quyết định số 16/QĐ-SGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2020 của sở giáo dục và đào tạo Đắk Lắk (Về việc điều động, bổ nhiệm cán bộ quản lý)

Phó hiệu trưởng trường THPT Ea Súp được điều động, bổ nhiệm theo Quyết định số 138/QĐ-SGDĐT ngày 4 tháng 12 năm 2020 của sở giáo dục và đào tạo Đắk Lắk (Về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý)

Phó hiệu trưởng trường THPT Ea Súp được điều động, bổ nhiệm theo Quyết định số 26/QĐ-SGDĐT ngày 16 tháng 6 năm 2023 của sở giáo dục và đào tạo Đắk Lắk (Về việc bổ nhiệm lại cán bộ quản lý)

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

Năm 2024

1. Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý, điều hành: 02 vị trí

1.1. Hiệu trưởng: 01 người. Trình độ: Thạc sĩ Giáo dục

1.2. Phó hiệu trưởng: 02 người. Trình độ: 02 Thạc sĩ Giáo dục

Tổng số cán bộ lãnh đạo vị : 03 người

2. Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành:

STT	Chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	Số lượng	Trình độ
2.1	Giáo viên giảng dạy môn Ngữ văn	9	08 Đại học 01 Thạc sĩ
2.2	Giáo viên giảng dạy môn Toán	8	08 Đại học
2.3	Giáo viên giảng dạy môn Vật lý	3	03 Đại học
2.4	Giáo viên giảng dạy môn Hóa học	4	04 Đại học
2.5	Giáo viên giảng dạy môn Sinh học	3	02 Đại học 01 Thạc sĩ
2.6	Giáo viên giảng dạy môn Tiếng Anh	9	09 Đại học
2.7	Giáo viên giảng dạy môn Giáo dục thể chất	5	05 Đại học
2.8	Giáo viên giảng dạy môn Giáo dục Quốc phòng an ninh	2	02 Đại học
2.9	Giáo viên giảng dạy môn Tin học	3	03 Đại học
2.10	Giáo viên giảng dạy môn Lịch sử	3	03 Đại học
2.11	Giáo viên giảng dạy môn Địa lý	4	04 Đại học
2.12	Giáo viên giảng dạy môn GD Kinh tế pháp luật	2	02 Đại học
2.13	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1	01 Đại học

Tổng số: 56 người

3. Nhóm vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 05 vị trí.

STT	Chức danh nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	Số lượng	Trình độ
3.1	Nhân viên văn thư	01	Đại học
3.2	Nhân viên kế toán	01	Đại học
3.3	Nhân viên thư viện	01	Trung cấp
3.4	Nhân viên Thủ quỹ	01	Trung cấp
3.5	Nhân viên Y tế học đường	01	Trung cấp

4. Nhóm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 02 người

STT	Chức danh nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	Số lượng	Trình độ
4.1	Nhân viên bảo vệ	01	THPT
4.2	Nhân viên tạp vụ	01	Trung cấp

Năm 2023

1. Nhóm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý, điều hành: 02 vị trí

1.1. Hiệu trưởng: 01 người. Trình độ: Thạc sĩ Giáo dục

1. 2. Phó hiệu trưởng: 02 người. Trình độ: 02 Thạc sĩ Giáo dục

Tổng số cán bộ lãnh đạo vị : 03 người

2. Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành:

STT	Chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	Số lượng	Trình độ
2.1	Giáo viên giảng dạy môn Ngữ văn	8	07 Đại học 01 Thạc sĩ
2.2	Giáo viên giảng dạy môn Toán	9	08 Đại học 01 Thạc sĩ
2.3	Giáo viên giảng dạy môn Vật lý	4	04 Đại học
2.4	Giáo viên giảng dạy môn Hóa học	4	04 Đại học
2.5	Giáo viên giảng dạy môn Sinh học	4	03 Đại học 01 Thạc sĩ
2.6	Giáo viên giảng dạy môn Tiếng Anh	9	09 Đại học
2.7	Giáo viên giảng dạy môn Giáo dục thể chất	5	05 Đại học
2.8	Giáo viên giảng dạy môn Giáo dục Quốc phòng an ninh	2	02 Đại học
2.9	Giáo viên giảng dạy môn Tin học	3	03 Đại học
2.10	Giáo viên giảng dạy môn Lịch sử	1	01 Đại học
2.11	Giáo viên giảng dạy môn Địa lý	4	04 Đại học
2.12	Giáo viên giảng dạy môn GD Kinh tế pháp luật	1	01 Đại học
2.13	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1	01 Đại học

Tổng số: 55 người

3. Nhóm vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 04 vị trí.

STT	Chức danh nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	Số lượng	Trình độ
3.1	Nhân viên văn thư – thủ quỹ	01	Đại học
3.2	Nhân viên kế toán	01	Đại học
3.3	Nhân viên thư viện	01	Trung cấp
3.4	Nhân viên Y tế học đường	01	Trung cấp

4. Nhóm vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 02 người

STT	Chức danh nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	Số lượng	Trình độ
4.1	Nhân viên bảo vệ	01	THPT
4.2	Nhân viên tạp vụ	01	Trung cấp

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

Năm 2024

Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp: 03 người, đạt 100%

Số lượng, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp: 55 người, đạt 100%

Năm 2023

Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp: 03 người, đạt 100%

Số lượng, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp: 53 người, đạt 100%

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

Năm 2024

Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 03 người, đạt 100%

Số lượng, tỷ lệ giáo viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 55 người, đạt 100%

Năm 2023

Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 03 người, đạt 100%

Số lượng, tỷ lệ giáo viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 53 người, đạt 100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

1. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Tổng diện tích: 17.553m²; bình quân 14.98m²/1 học sinh; đối sánh 14.98m²/1/10m² (theo qui định của thông tư 13/2020/TT-BGD)

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

Phòng hành chính : 11 phòng hành chính tổng diện tích 363m²

Phòng lớp học 32 phòng tổng diện tích: 2.653 m²

Nhà đa chức năng: 533 m²

Phòng học thực hành thí nghiệm có 06 phòng 738 m²

Khu tập thể giáo viên 05 phòng diện tích: 132 m²

Nhà để xe học sinh: 128

Dãy nhà phòng hội đồng: 207.58 m²

3. Số thiết bị dạy học hiện có, đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

STT	Khối lớp học	Số lượng hiện có	Qui định theo TT 39
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có so với quy định		
1.1	Khối lớp 10	1.696	1.696/6.100 =28%
1.2	Khối lớp 11	1.636	1.636/6.862=23%
1.3	Khối lớp 12	1.648	1.648/6.677=24%
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10	4.404	
2.2	Khối lớp 11	5.226	
2.3	Khối lớp 12	5.029	

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tổng số sách giáo khoa khối lớp 10, 11, 12 phục vụ chương trình 2028: 909 quyển.

Tổng số sách đọc tham khảo: 3.222 quyển.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

- Tỷ lệ học lực, hạnh kiểm và tỷ lệ học sinh bỏ học (Số liệu năm học 2022-2023)

Khối	Số lượng, tỉ lệ học lực					Số lượng, tỉ lệ hạnh kiểm				Số lượng, tỉ lệ HS ở lại lớp	Số lượng, tỉ lệ HS bỏ học
	Giỏi	Khá	TB	Yếu	kém	Tốt	Khá	TB	Yếu		
Khối 10	28 6,54%	148 34,6%	227 53%	25 5,84%	0	360 84,1%	56 13,1%	11 2,57%	01 0,23%	13 3,03%	15 3,35%
Khối 11	30 7,37%	166 40,79%	198 48,65%	13 3,19%	0	322 79,12%	75 18,43%	10 2,46%	0	11 2,70%	13 3,08%
Khối 12	81 21,6%	239 63,73%	53 14,13%	2 0,53%	0	344 91,73%	23 6,13%	8 2,13%	0	0	5 1,32%
Tổng cộng	139 11,49%	553 45,7%	478 39,5%	40 3,31%	0	1026 84,8%	154 12,73%	29 2,4%	01 0,08%	24 1,98%	33 2,63%

- Tỷ lệ tốt nghiệp THPT năm học 2022-2023: 96,52% .

- Tỷ lệ học lực, hạnh kiểm và tỷ lệ học sinh bỏ học (Số liệu năm học 2023-2024)

Khối i	Số lượng, tỉ lệ học lực					Số lượng, tỉ lệ hạnh kiểm				Số lượng	Số lượng
	Giỏi	Khá	TB	Yếu	ké	Tốt	Khá	TB	Yếu		

					m						, tỉ lệ HS ở lại lớp	, tỉ lệ HS bỏ học
Khối 10	60 15,6%	177 46%	144 37,4%	4 1,04%	0	342 88,8%	42 10,9%	1 0,26%	0	0	13 3,24%	
Khối 11	50 12,4%	214 53,1%	135 33,5%	4 0,99%	0	362 89,8%	37 9,18%	4 0,99%	0	4 0,34%	6 1,46%	
Khối 12	88 23%	263 68,9%	29 7,59%	2 0,52%	0	368 96,3%	12 3,14%	1 0,26%	1 0,26%	0	6 1,54%	
Tổng cộng	198 16,92%	654 55,9%	308 26,32%	10 0,85%	0	1072 91,62%	91 7,78%	6 0,51%	01 0,09%	4 0,34%	25 2,08%	

- Tỉ lệ tốt nghiệp THPT năm học 2023-2024: 99,48%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

- Quyết định số 1019/QĐ-SGDĐT, ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.
- Kinh phí tự chủ: 12.546.000.000; kinh phí thực hiện không tự chủ: 8.068.000.000;

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

Nơi nhận;

- Lãnh đạo trường
- Trang thông tin điện tử nhà trường
- Lưu VT, hồ sơ

HIỆU TRƯỞNG



Lê Quang Trường